

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2026/HS-ST

Ngày: 12 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Việt Hà

Ông Bùi Ngọc Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn P**

Tên gọi khác: Không có tên gọi khác

Sinh năm: 1979 tại tỉnh Điện Biên.

Căn cước công dân số: 011079002xxx cấp ngày: 15/11/2024 nơi cấp: Bộ Công an.

Nơi thường trú - Nơi ở hiện tại: Bản B, xã B, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông nghiệp; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Con ông: Lường Văn S (đã chết) và bà: Quàng Thị U; Bị cáo có vợ: Tòng Thị L và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2008); Tiền án: 01 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy năm 2024; tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 28 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Bị cáo đã chấp hành xong bản án được coi là đã

xóa án tích). Bị tạm giữ từ ngày 10/01/2026 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Lê Thị Thúy A** - Sinh năm 1988, Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Tòng Thị L - Sinh năm 1978. Địa chỉ: Bản B, xã B, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 09/01/2026, tổ công tác Công an xã B, tỉnh Điện Biên làm nhiệm vụ tại khu vực Bản B, xã B phát hiện Lường Văn P đang đi bộ có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra. Thấy tổ công tác, P lấy trong túi quần bên phải đang mặc ra 01 hộp nhựa màu hồng thả xuống mặt đường cạnh chân phải của P đang đứng. Tổ công tác phát hiện và yêu cầu P nhặt hộp nhựa lên giao nộp. Khi được yêu cầu P nhặt hộp nhựa lên giao nộp, bên trong hộp có 26 viên nén hình tròn màu hồng, trên mặt của mỗi viên nén có ký hiệu WY. P khai nhận đó là ma túy, loại Hồng phiến. Nguồn gốc số ma túy là do ngày 07/10/2026 P gọi điện nhờ Tòng Văn X mua hộ với giá 300.000 đồng được 28 viên hồng phiến được gói bằng nilon màu xanh, mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy bị cáo xé mảnh nilon, cho số ma túy vào một hộp nhựa màu hồng cất trong túi quần bên phải đang mặc. Bị cáo đã sử dụng hết 02 viên ma túy. Hồi 18 giờ 30 phút ngày 09/01/2026 khi đang đi bộ tại khu vực Bản B thì bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm: Hộp nhựa màu hồng đựng số ma túy nêu trên có khối lượng 2,59 gam, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu trắng, nhãn hiệu HONOR cũ, đã qua sử dụng kèm sim số thuê bao 03472781xx.

Tại bản kết luận giám định số 36/KL-KTHS ngày 12/01/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu gửi giám định thu giữ của Lường Văn P có khối lượng 2,59 gam là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định có khối lượng 2,3 gam có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 93/CT-VKSKV1 ngày 22/4/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên đã truy tố bị cáo Lường Văn P về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn P từ 04 năm 05 tháng đến 04 năm 09 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 2,3 gam Methamphetamine còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ và 01 hộp nhựa màu hồng không còn giá trị sử dụng, sim điện thoại số thuê bao 0347.278.1xx là phương tiện phạm tội. Trả lại cho bà Tòng Thị L 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HONOR màu trắng cũ, đã qua sử dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bà L đề nghị HĐXX trả lại chiếc điện thoại di động để liên lạc.

Người bào chữa: Đề nghị HĐXX xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất của hành vi phạm tội, hoàn cảnh của bị cáo cho bị cáo hưởng mức án để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với vợ con và xã hội và miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 09/01/2026, tại khu vực Bản B, xã B, tỉnh Điện Biên, Lương Văn P đã có hành vi cất giấu trái phép 2,59 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là

nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 67/2024/HS-ST ngày 15/5/2024 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 11/5/2025, bị cáo chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngoài bản án năm 2024 nêu trên, tại bản án số 27/2009/HSST ngày 16/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 28 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bị cáo đã chấp hành xong bản án được coi là đã xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo không tu dưỡng, rèn luyện, không thay đổi bản thân nên tiếp tục phạm tội.

Hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đối với số Methamphetamine thu giữ của bị cáo, sau khi gửi toàn bộ giám định còn lại 2,3 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; hộp nhựa là vật dùng đựng ma túy, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Đối với sim điện thoại số thuê bao 03472781xx là sim của bị cáo, dùng để liên lạc mua ma túy, là phương tiện, vật mang dấu vết phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại bị thu giữ: Qua điều tra xác định đây là tài sản của bà L (vợ bị cáo), bà L không biết bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần trả lại cho bà L.

[5]. Các vấn đề khác:

Đối với người bán ma túy: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định đối tượng Tòng Văn X không có mặt tại nơi cư trú, qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của X tại Bản B không thu giữ, tạm giữ gì. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm người đối với Tòng Văn X, nếu có cơ sở sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với số thuê bao 03491296xx mà bị cáo khai là của Tòng Văn X: Qua xác minh chủ thuê bao này là Lò Văn L. Tuy nhiên, qua xác minh L không có mặt tại nơi cư trú nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra kết luận hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lương Văn P không đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), do đó Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý. Bị cáo đã bị Công an xã B, tỉnh Điện Biên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi này, nên HĐXX không xem xét, xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Điện Biên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, người bào chữa. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, người bào chữa đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do đồng bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, HĐXX chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Tuyên bố bị cáo Lương Văn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Xử phạt bị cáo Lương Văn P 04 (bốn) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (10/01/2026).

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 2,3 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 hộp nhựa màu hồng; 01 sim điện thoại số thuê bao 03472781xx.

Trả lại cho bà Tòng Thị L 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HONOR màu trắng cũ, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2026).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ĐB;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh ĐB;
- Phân trại tạm Mường Thanh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng cảnh sát THAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- THADS tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2026/TB-TA

Điện Biên Phủ, ngày 20 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2026/HS-ST ngày 12/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên có thiếu sót được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại dòng thứ 5, 6 từ trên xuống trang 6 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):...”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): ...”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ĐB;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh ĐB;
- Phân trại tạm Mường Thanh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng cảnh sát THAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- THADS tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ